

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THỦY LỰC XUÂN QUANG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THỦY LỰC XUÂN QUANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: XUAN QUANG HYDRAULIC TUBES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: XUAN QUANG HT., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107572190

**3. Ngày thành lập:** 22/09/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 105, Nhà B, Khu Tập thể Bưu điện Trung ương, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 01666848484

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | In ấn                                                                                                                                            | 1811     |
| 2.  | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                            | 5021     |
| 3.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                              | 5022     |
| 4.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                      | 5210     |
| 5.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                 | 5224     |
| 6.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn                                                                                                 | 5510     |
| 7.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn dầu thô, Bán buôn xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan | 4661     |
| 8.  | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4730     |
| 9.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                           | 4741     |
| 10. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                         | 4761     |
| 11. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                 | 5610     |
| 12. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: - Hoạt động của các điểm truy cập Internet<br>- Đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông                        | 6190     |
| 13. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                            | 6201     |
| 14. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                            | 4100     |
| 15. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                        | 4210     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                 | 4322        |
| 17. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                  | 4330        |
| 18. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                     | 4513        |
| 19. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                  | 4520        |
| 20. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                              | 4530        |
| 21. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                               | 4541        |
| 22. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                             | 4542        |
| 23. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                           | 4543        |
| 24. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                                   | 4610        |
| 25. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                             | 4651        |
| 26. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                              | 4652        |
| 27. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:- Bán buôn máy móc, thiết bị thủy lực, ống thủy lực<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng | 4659(Chính) |
| 28. | Vận tải hành khách đường sắt                                                                                                                                                                                                                    | 4911        |
| 29. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                                      | 4912        |
| 30. | Vận tải bằng xe buýt                                                                                                                                                                                                                            | 4920        |
| 31. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                             | 4931        |
| 32. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh.                                                                                                                                             | 4932        |
| 33. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                  | 4933        |
| 34. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                       | 8230        |
| 35. | Hoạt động cấp tín dụng khác<br>Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ                                                                                                                                                                                         | 6492        |
| 36. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                  | 6619        |
| 37. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>Chi tiết: - Kiểm tra âm thanh và chấn động;<br>- Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường                                                                                                                   | 7120        |
| 38. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                       | 7310        |
| 39. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Trang trí nội thất.                                                                                                                                                                                 | 7410        |
| 40. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô                                                                                                                                                                                               | 7710        |

|     |                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 41. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng | 7730 |
| 42. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế                                  | 7912 |
| 43. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                         | 7920 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức           | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐỖ MỸ LINH       | Số 111, Tổ 10B, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông | 30.000     | 300.000.000           | 30,000    | 012503647                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                | Tổng số           | 30.000     | 300.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
| 2   | ĐỖ VŨ ĐÌNH QUANG | Số 26, Khu tập thể Văn Công, Tổ 22, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    | 012313761                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                | Tổng số           | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN BÁ TIỆP   | Tập thể Đài phát tin, tổ 9, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông | 30.000     | 300.000.000           | 30,000    | 012503986                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                | Tổng số           | 30.000     | 300.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

Thời gian đăng từ ngày 26/09/2016 đến ngày 07/11/2016

\* Họ và tên: ĐỖ VŨ ĐÌNH QUANG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *14/12/1982*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *012313761*

Ngày cấp: *17/11/2012*

Nơi cấp: *CATP Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 26, Khu tập thể Văn Công, Tổ 22, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 26, Khu tập thể Văn Công, Tổ 22, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*